

## **1. CT môn Ngoại ngữ 1**

### **1.1. CT môn Tiếng Anh**

#### *a) Đặc điểm môn học*

Tiếng Anh là môn học trong chương trình giáo dục phổ thông bắt đầu từ lớp 3 đến lớp 12. Là một trong những môn học công cụ ở trường phổ thông, môn Tiếng Anh không chỉ giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung; để sống và làm việc hiệu quả hơn; để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời.

Môn học tiếng Anh cung cấp cho học sinh một công cụ giao tiếp quốc tế quan trọng, giúp các em trao đổi thông tin, tri thức khoa học và kỹ thuật tiên tiến, tìm hiểu các nền văn hoá, qua đó góp phần tạo dựng sự hiểu biết giữa các dân tộc, hình thành ý thức công dân toàn cầu, góp phần vào việc phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân.

Nội dung cốt lõi của môn học giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, trong các chủ đề và chủ điểm phù hợp với học sinh phổ thông nhằm giúp các em khi kết thúc cấp tiểu học đạt được năng lực giao tiếp Bậc 1, khi kết thúc bậc trung học cơ sở đạt được Bậc 2 và khi kết thúc cấp trung học cơ sở đạt Bậc 3 theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* (ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

#### *b) Quan điểm xây dựng chương trình*

Trên cơ sở quán triệt các quy định cơ bản được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh nhấn mạnh một số quan điểm xây dựng chương trình như sau: (i) Xây dựng dựa trên nền tảng lý luận và thực tiễn, cập nhật thành tựu của khoa học hiện đại; (ii) năng lực giao tiếp là mục tiêu của quá trình dạy học; kiến thức ngôn ngữ là phương tiện để hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc, viết; (iii) Xây dựng theo hướng mở; không quy định chi tiết về nội dung dạy học mà chỉ qui định những yêu cầu cần đạt về năng lực giao tiếp nghe, nói, đọc và viết cho mỗi lớp và gợi ý một số chủ đề, chủ điểm chính gắn với chuẩn đầu ra từng cấp học; (iv) đảm bảo lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm trong quá trình dạy học; (v) đảm bảo tính liên thông và tiếp nối của việc dạy học Tiếng Anh giữa các cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; (vi) đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo và tính mở nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp với điều kiện dạy học tiếng Anh đa dạng ở các địa phương.

#### *c) Mục tiêu chương trình môn học*

Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh giúp học sinh có một công cụ giao tiếp mới, hình thành và phát triển cho học sinh năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các hình thức nghe, nói, đọc, viết. Kết thúc chương trình giáo dục phổ thông, học sinh có khả năng giao tiếp đạt trình độ Bậc 3 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam* tạo nền tảng cho học sinh có thể sử dụng tiếng Anh trong học tập, hình thành thói quen học tập suốt đời để trở thành những công dân toàn cầu trong thời kỳ hội nhập.

Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh giúp học sinh có hiểu biết khái quát về đất nước, con người và nền văn hoá của một số nước nói tiếng Anh; có thái độ và tình cảm tốt đẹp đối với đất nước, con người, nền văn hoá và ngôn ngữ của các nước nói tiếng Anh. Ngoài ra, Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh cũng góp phần hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất và năng lực cần thiết đối với người lao động: ý thức và trách nhiệm lao động, định hướng và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, khả năng thích ứng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp mới.

#### *d) Nội dung chương trình*

Nội dung dạy học trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh được thiết kế theo kết cấu đa thành phần, bao gồm: (i) hệ thống các chủ đề (khái quát), các chủ điểm (cụ thể) mang tính gợi ý; (ii) các năng lực giao tiếp phù hợp với chuẩn năng lực cần đạt; (iii) danh mục kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) gợi ý phù hợp với việc phát triển năng lực giao tiếp ở cấp độ đã được qui định trong chuẩn đầu ra. Nội dung văn hoá được dạy học lồng ghép, tích hợp trong hệ thống các chủ đề, chủ điểm.

Các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp tập trung vào năng lực giao tiếp ở bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Năng lực giao tiếp của môn tiếng Anh là khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) để tham gia vào các hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong những tình huống hay ngữ cảnh có nghĩa với các đối tượng giao tiếp khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp của bản thân hay yêu cầu giao tiếp của xã hội.

Nội dung dạy học cả về năng lực giao tiếp lẫn kiến thức ngôn ngữ đều dựa trên yêu cầu của năng lực giao tiếp Bậc 1, 2 và 3 trong *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Cụ thể:

Các nội dung dạy học ở bậc tiểu học cần đảm bảo giúp học sinh có khả năng “hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè,... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ”;

Các nội dung dạy học ở bậc trung học cơ sở cần đảm bảo giúp học sinh có khả năng “hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến

nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm,...). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu”;

Các nội dung dạy học ở bậc trung học phổ thông cần đảm bảo giúp học sinh có khả năng “hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí,... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra ở những nơi ngôn ngữ đó được sử dụng. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình”.

#### *e) Phương pháp giáo dục*

Đường hướng chủ đạo trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh là đường hướng giao tiếp. Đường hướng này nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Các phương pháp giao tiếp có những điểm tương đồng với đường hướng lấy người học làm trung tâm trong giáo dục học. Đường hướng chủ đạo này quy định các hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh.

Giáo viên cần hiểu rõ đặc điểm tâm - sinh lý của học sinh ở các cấp học khác nhau, coi học sinh là những chủ thể tích cực tham gia vào quá trình học tập. Giáo viên tạo cơ hội cho học sinh sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh, tình huống có nghĩa, sát với cuộc sống hằng ngày, dành thời gian cho học sinh tham gia vào các hoạt động giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc và viết. Giáo viên sử dụng tiếng Anh trong quá trình dạy học trên lớp và tạo cơ hội tối đa để học sinh sử dụng tiếng Anh trong và ngoài lớp học.

Giáo viên sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện học tập ở địa phương, sử dụng hiệu quả các đồ dùng, thiết bị dạy học hiện đại trong quá trình dạy học, hướng dẫn học sinh sử dụng đồng bộ các tài liệu và phương tiện học tập như sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, học liệu điện tử, thiết bị nghe nhìn, công nghệ thông tin và truyền thông... để nâng cao hiệu quả dạy học.

#### *g) Đánh giá kết quả giáo dục*

Việc đánh giá hoạt động học của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp. Nội dung và hình thức kiểm tra đánh giá cần bám sát mục tiêu dạy học, có tính đến những thay đổi trong mục tiêu từng cấp như cấp tiểu học ưu tiên vào nghe và nói, cấp trung học cơ sở nhấn mạnh đến phối hợp giữa các kỹ năng và cấp trung học phổ thông chú trọng đến cân bằng giữa bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Hoạt động kiểm tra đánh giá cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá

thường xuyên và đánh giá định kỳ. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình.

#### *h) Điều kiện thực hiện chương trình*

Đảm bảo đủ số lượng giáo viên để thực hiện đủ số tiết học theo kế hoạch dạy học ở trường phổ thông. Giáo viên phải đạt những yêu cầu theo quy định và có nghiệp vụ sư phạm phù hợp với các cấp học. Giáo viên cần được tập huấn về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong dạy học.

Đảm bảo điều kiện, môi trường học tập đa dạng, phong phú để học sinh có thể tham gia vào các hoạt động học tập, sử dụng tiếng Anh có ý nghĩa.

## **1.2. CT Làm quen tiếng Anh Lớp 1 và Lớp 2**

### *a) Đặc điểm môn học*

Chương trình Làm quen tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 được xây dựng để chuẩn bị kiến thức và tâm thế cho học sinh tiểu học học tiếng Anh chính thức từ lớp 3 một cách hiệu quả. Chương trình được xây dựng cho môn Ngoại ngữ tự chọn lớp 1 và lớp 2 cấp tiểu học. Là một trong những môn học có tính công cụ ở trường phổ thông, môn tiếng Anh không chỉ giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà còn hình thành và phát triển các năng lực chung và, năng lực thẩm mỹ, năng lực tư duy; để sống và làm việc hiệu quả, để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời.

Việc tổ chức thực hiện môn học này với tư cách là môn tự chọn trong nhà trường cần phải xét đến những điều kiện thực hiện để đạt hiệu quả cao nhất và đảm bảo tính liên thông với chương trình môn Tiếng Anh được dạy từ lớp 3 đến lớp 12.

### *b) Quan điểm xây dựng chương trình*

Chương trình Làm quen tiếng Anh lớp 1 và 2 được xây dựng dựa trên nền tảng lý luận và thực tiễn, cập nhật thành tựu của khoa học hiện đại. Cơ sở lý luận và thực tiễn của chương trình là: a) Các kết quả nghiên cứu về giáo dục học, tâm lý học và phương pháp dạy học Tiếng Anh hiện đại; b) Các thành tựu nghiên cứu về ngôn ngữ tiếng Anh như hệ thống miêu tả ngôn ngữ và ngữ dụng học; c) Phương pháp xây dựng chương trình môn Tiếng Anh của thế giới và kinh nghiệm xây dựng chương trình của Việt Nam; d) Thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện kinh tế và truyền thống văn hoá Việt Nam, chú ý đến sự đa dạng của đối tượng học sinh xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

Quan điểm giảng dạy của chương trình Làm quen tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 là quan điểm dạy tiếng Anh theo đường hướng giao tiếp, theo đó, năng lực giao tiếp là mục tiêu của quá trình dạy học; kiến thức ngôn ngữ là phương tiện để hình thành và

phát triển các kỹ năng giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc, viết. Ở hai lớp đầu cấp tiểu học này việc giảng dạy cần nhấn mạnh đến hai kỹ năng nghe và nói.

#### *c) Mục tiêu chương trình môn học*

Chương trình Làm quen tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 giúp học sinh bước đầu có nhận thức đơn giản nhất về tiếng Anh, làm quen, khám phá và trải nghiệm để hình thành kỹ năng tiếng Anh theo các ngữ cảnh phù hợp với năng lực tư duy, cảm xúc và tâm sinh lý của lứa tuổi giúp các em bớt bỡ ngỡ khi bắt đầu chính thức học tiếng Anh từ lớp 3 và hình thành cho các em niềm yêu thích học tập môn học. Đây cũng là bước kết nối với tiếng Anh cho các em ở giai đoạn đầu cấp một cách hệ thống.

#### *d) Nội dung chương trình*

Chương trình được xây dựng để liên thông với chương trình tiếng Anh lớp 3-12. Đây là môn học tự chọn, giúp học sinh làm quen với tiếng Anh. Chương trình được xây dựng tập trung vào hai kỹ năng nghe và nói, sắp xếp theo mục tiêu năng lực giao tiếp và lựa chọn ngữ liệu, từ vựng tương ứng để phát triển năng lực giao tiếp tương ứng.

Một số ví dụ về năng lực giao tiếp: a) Bước đầu nghe hiểu và có phản hồi phi ngôn ngữ trong một số tình huống giao tiếp rất đơn giản khi đã được thực hành nhiều lần; b) Bước đầu nghe hiểu và thực hiện theo các hướng dẫn rất đơn giản trong lớp học khi đã được thực hành nhiều lần; c) Nghe hiểu được các từ và cụm từ gần gũi với hoạt động của học sinh trong ngữ cảnh; d) Nghe và bước đầu nhận biết được các phụ âm đã học ở vị trí bắt đầu của từ; đ) Nghe và nhận biết được các chữ cái đã học.

Một số chủ đề trong chương trình: màu sắc, đồ dùng học tập, đồ uống, gia đình, lớp học, đồ chơi, trò chơi...

#### *e) Phương pháp giáo dục*

Đường hướng dạy học chủ đạo trong Chương trình Làm quen tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 là *Đường hướng giao tiếp*. Đường hướng này có thể sử dụng nhiều phương pháp và kỹ thuật giảng dạy khác nhau nhưng đều nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Ngoài ra, các phương pháp và hoạt động dạy học cũng chú trọng đến quá trình tiếp thu ngôn ngữ tự nhiên của học sinh ở lứa tuổi này. Một số định hướng và cách tiếp cận chủ đạo trong phương pháp dạy học bao gồm: Tạo môi trường thân thiện, tự nhiên và khuyến khích hỏi đáp phi ngôn ngữ.

#### *g) Đánh giá kết quả giáo dục*

Kiểm tra đánh giá tiếng Anh cần được lồng ghép trong các hoạt động dạy - học với mục đích giúp học sinh yêu thích môn tiếng Anh và thúc đẩy chất lượng dạy và học.

Với mục đích cho học sinh làm quen tiếng Anh, các hình thức kiểm tra, đánh giá cần nhẹ nhàng, thân thiện, được tiến hành ngay trong các hoạt động học tập của học

sinh. Kiểm tra đánh giá có thể thông qua các bài hát, trò chơi, giúp tìm ra những khó khăn và đề xuất hướng khắc phục thông qua các hoạt động trên lớp.

#### *h) Điều kiện thực hiện chương trình*

Các trường triển khai chương trình phải có phòng học rộng rãi, thoáng mát, ánh sáng phù hợp cho học sinh tiểu học lứa tuổi 6, 7 tuổi. Các phòng học có đủ trang thiết bị tối thiểu cho việc học tiếng Anh như tranh ảnh, thiết bị đa phương tiện.

Chỉ tổ chức cho học sinh làm quen tiếng Anh ở lớp 1, lớp 2 trên cơ sở tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh. Khi tổ chức cho học sinh tự nguyện học chương trình Làm quen với tiếng Anh, nhà trường phải có giải pháp tổ chức các hoạt động phù hợp cho những học sinh không tham gia.

## **2. CT môn Ngoại ngữ 2**

### **2.1. CT môn Tiếng Pháp**

#### *a) Đặc điểm môn học*

Môn Tiếng Pháp – Ngoại ngữ 2 là môn học tự chọn được tổ chức giảng dạy có thể từ lớp 6 đến hết lớp 12. Môn Tiếng Pháp giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ và các năng lực chung, phát triển những phẩm chất tốt đẹp, mở rộng tầm nhìn quốc tế để học tốt các môn học khác, để sống và làm việc hiệu quả, cũng như để học suốt đời. Nội dung cốt lõi của môn Tiếng Pháp bao gồm các chủ điểm, chủ đề và các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản: nghe, nói, đọc, viết. Kiến thức ngôn ngữ: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp được lựa chọn phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh và được tích hợp trong quá trình rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết cơ bản.

#### *b) Quan điểm xây dựng chương trình*

Căn cứ quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục, điều kiện thực hiện và phát triển chương trình được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Chương trình môn Tiếng Pháp nhấn mạnh các quan điểm xây dựng chương trình sau đây: Hình thành và phát triển năng lực giao tiếp tổng hợp bằng tiếng Pháp cho học sinh; Chương trình được xây dựng trên cơ sở hệ thống chủ điểm và chủ đề; Học sinh được coi là chủ thể của quá trình dạy học, giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn; Đảm bảo tính liên thông và tiếp nối giữa Bậc 1 và Bậc 2, giữa các cấp, lớp trong từng bậc của môn học; Đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo của Chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp với từng điều kiện dạy học tiếng Pháp của các vùng miền, địa phương.

#### *c) Mục tiêu của chương trình*

Chương trình môn Tiếng Pháp cung cấp cho sinh kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, giúp học sinh bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Pháp một cách tương đối độc lập trong những tình huống giao tiếp cơ bản của cuộc sống thường nhật, tạo hứng thú và hình thành thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời.

Sau khi kết thúc giai đoạn 1, học sinh cần đạt được trình độ tiếng Pháp Bậc 1 và sau khi kết thúc Giai đoạn 2, học sinh cần đạt được trình độ tiếng Pháp Bậc 2 theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam*.

#### *d) Nội dung của chương trình*

Điểm khác biệt nhất so với các chương trình trước đây là chương trình tiếng Pháp NN2 được xây dựng xuất phát từ các phẩm chất và năng lực cần có của người học để lựa chọn nội dung dạy học.

Các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp tập trung vào năm kỹ năng lớn: Nghe, Nói tương tác, Nói độc thoại, Đọc và Viết.

Để đạt được yêu cầu này, nội dung cần dạy còn bao gồm kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng) và kiến thức văn hóa.

#### *e) Phương pháp giáo dục*

Xuất phát từ mục tiêu của Chương trình và đặc điểm tâm lý lứa tuổi của đối tượng dạy học, hướng chủ đạo của phương pháp dạy học là thông qua thực hành giao tiếp ngôn ngữ để học sinh nắm được các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá Pháp. Học sinh là chủ thể tích cực tham gia vào quá trình dạy học, giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động học tập của học sinh.

Để phát huy tính tích cực hoạt động của học sinh, giáo viên cần tổ chức nhiều hoạt động trên lớp như: luyện tập cá nhân, luyện tập theo cặp, luyện tập theo nhóm và luyện tập cả lớp.

Các hoạt động luyện tập ngôn ngữ có thể được thiết kế với các hình thức khác nhau, mang tính thi đua, cạnh tranh tích cực như: trò chơi, đố vui, thi viết chữ đẹp, học các bài hát đơn giản có ý nghĩa giáo dục, vẽ tranh, phân vai kể chuyện, đóng kịch, phân nhóm tranh luận về những chủ đề đơn giản,...

Các hoạt động dạy học được thực hiện đồng đều trên các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Trong đó nghe, nói đi trước một bước.

Mọi hoạt động dạy học đều phải xoay quanh các chủ điểm, chủ đề, tình huống giao tiếp trong Chương trình nhằm giúp học sinh ghi nhớ ngữ nghĩa, cách dùng các từ ngữ liên quan trong ngữ cảnh giao tiếp tự nhiên cụ thể, từ đó hình thành phương pháp học tập hiệu quả cho học sinh.

#### *g) Đánh giá kết quả giáo dục*

Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh phải xuất phát từ mục tiêu giáo dục của môn học, hướng tới phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ tổng hợp cơ bản. Cần kết hợp giữa kiểm tra, đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ tổng hợp và kiểm tra,

đánh giá từng mặt riêng biệt, bao gồm kiểm tra, đánh giá kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức văn hoá.

Nguyên tắc đánh giá là toàn diện, khách quan, chính xác, phân hoá; kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; kết hợp kiểm tra, đánh giá theo chuẩn và theo tiêu chí; tạo điều kiện và khuyến khích người học tự đánh giá. Công tác kiểm tra đánh giá đối với môn tiếng Pháp cần phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ

Kiểm tra, đánh giá bao gồm cả định lượng (cho điểm) và định tính (nhận xét, xếp loại), kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh đánh giá lẫn nhau và học sinh tự đánh giá. Đa dạng hoá các hình thức và phương pháp đánh giá như: bài thi (bài kiểm tra) theo hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan; kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra 01 tiết, bài tập nhóm, sản phẩm học tập...

#### *h) Điều kiện thực hiện Chương trình*

Có đủ giáo viên dạy tiếng Pháp đạt yêu cầu về năng lực chuyên môn. Giáo viên cần phải được tập huấn về toàn bộ nội dung của Chương trình. Hằng năm, giáo viên cần được tạo điều kiện tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước để cập nhật các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá mới và các phương pháp dạy học hiện đại.

Có đủ cơ sở vật chất (trường, lớp, bàn, ghế...), sách giáo khoa, sách học sinh, sách giáo viên, thiết bị đồ dùng dạy học theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **2.2. CT môn Tiếng Nga**

### *a) Đặc điểm môn học*

Tiếng Nga - Ngoại ngữ 2 là môn học tự chọn được tổ chức giảng dạy có thể từ lớp 6 đến hết lớp 12. Môn Tiếng Nga giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ và các năng lực chung, phát triển những phẩm chất tốt đẹp, mở rộng tầm nhìn quốc tế để học tốt các môn học khác, để sống và làm việc hiệu quả, cũng như để học suốt đời. Nội dung cốt lõi của môn Tiếng Nga bao gồm các chủ đề, chủ đề và các kỹ năng lời nói cơ bản: nghe, nói, đọc, viết. Kiến thức ngôn ngữ: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp được lựa chọn phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh và được tích hợp trong quá trình rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết cơ bản.

### *b) Quan điểm xây dựng chương trình*

Trên cơ sở quán triệt các quy định cơ bản được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, Chương trình môn Tiếng Nga nhấn mạnh một số quan điểm xây dựng chương trình như sau: (i) Vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, vừa chú trọng kế thừa và phát huy những ưu điểm của chương trình Tiếng Nga hiện hành. (ii) Tiếp



cận xu thế giáo dục hiện đại thế giới. (iii) Chú trọng hình thành năng lực của học sinh theo hướng thực hành giao tiếp, để người học vận dụng được một cách sáng tạo kỹ năng, khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ. (iv) Tiếp nối chặt chẽ giữa các lớp học, liên thông giữa các cấp độ nắm ngoại ngữ. (v) CT mang tính khả thi, thiết thực và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và của các địa phương, với khả năng của giáo viên, học sinh và thực tiễn dạy học ở các trường phổ thông ở các vùng miền trong cả nước. Chương trình tạo ra độ mềm dẻo, linh hoạt để có thể điều chỉnh phù hợp với các địa phương và với các nhóm đối tượng học sinh khác nhau, song vẫn đảm bảo trình độ chung của giáo dục phổ thông trong nước, tương thích với trình độ chung trên thế giới.

*c) Mục tiêu chương trình môn học*

Thông qua việc cung cấp cho học sinh kiến thức cơ bản (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) tương đối hoàn chỉnh về tiếng Nga; những hiểu biết khái quát về đất nước, con người, văn hóa phong tục tập quán Nga, Chương trình môn Tiếng Nga nhằm phát triển cho học sinh các kỹ năng giao tiếp, ứng xử, thuyết trình; tinh thần say mê, tự tìm hiểu.

Chương trình chia thành hai giai đoạn. Kết thúc giai đoạn 1, năng lực giao tiếp bằng tiếng Nga của học sinh tương đương với Bậc 1; kết thúc giai đoạn 2, năng lực giao tiếp bằng tiếng Nga của học sinh tương đương với Bậc 2.

*d) Nội dung chương trình*

Chương trình môn Tiếng Nga - Ngoại ngữ 2 được xây dựng theo các chủ điểm, cụ thể hóa thông qua các chủ đề ở từng bậc trình độ. Việc sắp xếp chủ đề cho từng chủ điểm ở mỗi bậc căn cứ vào mức độ yêu cầu về kiến thức ngôn ngữ cần có để thực hiện các hoạt động giao tiếp trong từng chủ đề, đồng thời có xét đến yếu tố độ tuổi và tâm sinh lý của học sinh.

Chương trình chú trọng đến việc kích thích hứng thú và phát triển động cơ học tập của học sinh; chú trọng quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Chương trình có khối lượng kiến thức vừa sức, thiết thực, cập nhật xu thế giáo dục hiện đại trên thế giới và phù hợp với thực tế của Việt Nam.

Nội dung chương trình được xây dựng theo hệ thống các chủ điểm về các lĩnh vực gần gũi trong cuộc sống hằng ngày phù hợp với lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông về đất nước, con người, văn hoá Nga, Việt Nam và các nước khác trên thế giới.

Chương trình môn học cung cấp kiến thức ngôn ngữ, tri thức văn hoá, xã hội liên quan đến các chủ điểm và rèn luyện kỹ năng giao tiếp tiếng Nga cơ bản, bồi dưỡng khả năng vận dụng ngôn ngữ toàn diện cho học sinh.

*e) Phương pháp dạy học*

Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Nga - Ngoại ngữ 2 - tập trung vào việc hình thành và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Nga; Lấy người học làm trung tâm của quá trình dạy học; áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, đề cao vai trò tự học của học trò, kết hợp với sự hướng dẫn của giáo viên; tạo môi trường học tập thân thiện, xây dựng cho học sinh niềm say mê với môn học.

*g) Đánh giá kết quả giáo dục*

Cần kết hợp giữa kiểm tra, đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ tổng hợp và kiểm tra, đánh giá từng mặt riêng biệt, bao gồm kiểm tra, đánh giá kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), và kiến thức văn hoá, đất nước học.

Nguyên tắc đánh giá là toàn diện, khách quan, chính xác, phân hoá; kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; kết hợp kiểm tra, đánh giá theo chuẩn và theo tiêu chí; tạo điều kiện và khuyến khích người học tự đánh giá. Công tác kiểm tra đánh giá đối với môn Tiếng Nga cần phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua các hoạt động dạy học trên lớp học, nhằm kịp thời điều chỉnh tiến độ hoặc phương pháp dạy học. Kiểm tra, đánh giá định kỳ được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt được các mục tiêu dạy học.

Kiểm tra, đánh giá bao gồm cả định lượng (cho điểm) và định tính (nhận xét, xếp loại), kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh đánh giá lẫn nhau và học sinh tự đánh giá.

*h) Điều kiện thực hiện chương trình*

Có đủ giáo viên dạy tiếng Nga đạt yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ. Giáo viên cần phải được tập huấn về toàn bộ nội dung của Chương trình môn Tiếng Nga. Giáo viên cần được tạo điều kiện tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước để cập nhật các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá mới và các phương pháp dạy học hiện đại.

Có đủ cơ sở vật chất (trường, lớp, bàn, ghế...), sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, thiết bị đồ dùng, giáo cụ trực quan, tài liệu tham khảo... để dạy học ngoại ngữ theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **2.3. CT môn Tiếng Đức**

*a) Đặc điểm môn học*

Môn Tiếng Đức – Ngoại ngữ 2 là môn học tự chọn được tổ chức giảng dạy có thể từ lớp 6 đến hết lớp 12. Môn Tiếng Đức giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ (tiếng Đức) và các năng lực chung khác.

Nội dung cốt lõi của môn Tiếng Đức bao gồm các chủ điểm, chủ đề và các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản: nghe, nói, đọc, viết. Kiến thức ngôn ngữ: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp được lựa chọn phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh và được tích hợp trong quá trình rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết cơ bản.

#### *b) Quan điểm xây dựng chương trình*

Trên cơ sở quán triệt các quy định cơ bản được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Chương trình môn Tiếng Đức được xây dựng dựa trên 3 nguyên tắc cơ bản sau:

- Nguyên tắc định hướng năng lực: Năng lực hiểu theo nghĩa rộng, ngoài những kiến thức ngôn ngữ, năng lực giao tiếp bằng tiếng Đức, còn chú trọng đến năng lực về giao tiếp liên văn hóa cho học sinh.

- Nguyên tắc định hướng mục tiêu hành động: Chương trình hướng đến truyền đạt cho học sinh những năng lực về ngôn ngữ, văn hóa cần thiết để có thể giao tiếp được với nhau trong các hoạt động trong và ngoài nhà trường, để hướng đến những mối quan tâm của học sinh như tham gia trao đổi học sinh, du học, v.v.

- Nguyên tắc linh hoạt: Chương trình đảm bảo tính mềm dẻo và linh hoạt để các trường tự phân bổ thời lượng giảng dạy ở từng khối lớp, tự xác định thời điểm bắt đầu đưa tiếng Đức vào giảng dạy, tự xây dựng chương trình chi tiết, lịch trình giảng dạy, tự lựa chọn giáo trình và tài liệu giảng dạy cho phù hợp với mục tiêu học tập của học sinh.

#### *c) Mục tiêu Chương trình*

Dạy và học tiếng Đức ở các trường phổ thông có mục tiêu trang bị cho học sinh khả năng giao tiếp bằng tiếng Đức đạt trình độ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam (KNLNNVN). Học sinh được trang bị các kiến thức tiếng Đức cơ bản để bước đầu sử dụng tiếng Đức một cách tương đối độc lập trong những tình huống giao tiếp cơ bản của cuộc sống thường nhật, tạo hứng thú và hình thành thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời.

Chương trình tạo cơ hội cho thanh thiếu niên Việt Nam được chuẩn bị về mặt ngôn ngữ (tiếng Đức), văn hóa, v.v. phục vụ cho những bậc học cao hơn về ngôn ngữ và văn hóa Đức ở trong và ngoài nước, đặc biệt là trong bối cảnh hợp tác quốc tế đang diễn ra sôi động như hiện nay.

#### *d) Nội dung Chương trình*

Để giúp học sinh hình thành năng lực giao tiếp và giao tiếp liên văn hoá, Chương trình tập trung vào 5 chủ điểm mà học sinh ở lứa tuổi thanh thiếu niên quan tâm như: Cuộc sống thường nhật; Văn hoá và Xã hội; Giáo dục và Đào tạo; Công nghệ và Truyền thông; Thiên nhiên.

Thông qua các chủ điểm này, học sinh sẽ được tiếp cận với thực tiễn cuộc sống của các quốc gia nói tiếng Đức và trên cơ sở đó có sự so sánh với thực tế ở Việt Nam. Đây là nền tảng để học sinh phát triển năng lực giao tiếp liên văn hoá.

Hệ thống chủ điểm được cụ thể hoá thông qua các chủ đề ở từng bậc trình độ. Việc sắp xếp chủ đề cho từng chủ điểm ở mỗi bậc căn cứ vào mức độ yêu cầu về kiến thức ngôn ngữ cần có để thực hiện các hoạt động giao tiếp trong từng chủ đề, đồng thời có xét đến yếu tố độ tuổi và tâm sinh lý của học sinh.

Liên quan đến những chủ điểm trên, Chương trình đưa ra những gợi ý về chủ đề, về kỹ năng ngôn ngữ (kỹ năng giao tiếp) và kiến thức ngôn ngữ trong dạy và học tiếng Đức ở bậc 1 và bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

*e) Phương pháp giáo dục*

Chương trình đưa ra một số nguyên tắc trong hoạt động dạy và học như:

- Nguyên tắc định hướng người học
- Nguyên tắc định hướng hành động
- Nguyên tắc phát huy tính tự chủ
- Nguyên tắc học khám phá, trải nghiệm
- Nguyên tắc định hướng kỹ năng
- Nguyên tắc đa dạng về phương pháp và hình thức hoạt động trong dạy và học
- Nguyên tắc trực quan

*g) Đánh giá kết quả giáo dục*

Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh phải xuất phát từ mục tiêu giáo dục của môn học, hướng tới phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ tổng hợp cơ bản. Cần kết hợp giữa kiểm tra, đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ tổng hợp và kiểm tra, đánh giá từng mặt riêng biệt, bao gồm kiểm tra, đánh giá kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức văn hoá.

Nguyên tắc đánh giá là toàn diện, khách quan, chính xác, phân hoá; kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; kết hợp kiểm tra, đánh giá theo chuẩn và theo tiêu chí; tạo điều kiện và khuyến khích người học tự đánh giá. Kiểm tra, đánh giá bao gồm cả định lượng (cho điểm) và định tính (nhận xét, xếp loại), kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh đánh giá lẫn nhau và học sinh tự đánh giá. Đa dạng hoá các hình thức và phương pháp đánh giá như: bài thi (bài kiểm tra) theo hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan; kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra 01 tiết, bài tập nhóm, sản phẩm học tập...

*h) Điều kiện thực hiện Chương trình*

- Có đủ giáo viên dạy tiếng Đức đạt yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ.

- Giáo viên cần phải được tập huấn về toàn bộ nội dung của Chương trình. Hằng năm, giáo viên cần được tạo điều kiện tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước để cập nhật các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá mới và các phương pháp dạy học hiện đại.

- Có đủ cơ sở vật chất (trường, lớp, bàn, ghế...), sách giáo khoa, sách học sinh, sách giáo viên, thiết bị đồ dùng dạy học theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **2.4. CT môn Tiếng Trung Quốc**

### *a) Đặc điểm môn học*

Tiếng Trung Quốc – Ngoại ngữ 2 là môn học tự chọn, được tổ chức giảng dạy có thể từ lớp 6 bậc Trung học cơ sở đến hết lớp 12 bậc Trung học phổ thông, giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực ngoại ngữ để sử dụng một cách tự tin, hiệu quả, phục vụ cho việc học tập và giao tiếp, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước.

Thông qua môn học này học sinh được hình thành, phát triển các năng lực chung và năng lực môn học để sống và làm việc hiệu quả, cũng như để học suốt đời.

Nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các chủ đề và kiến thức ngôn ngữ: ngữ âm, từ vựng, chữ Hán, ngữ pháp được lựa chọn phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh và được tích hợp trong quá trình rèn luyện, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết cơ bản.

### *b) Quan điểm xây dựng chương trình*

Trên cơ sở quán triệt các quy định cơ bản được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Chương trình Tiếng Trung Quốc – Ngoại ngữ nhấn mạnh một số quan điểm xây dựng chương trình như sau: (i) Thiết kế dựa trên nền tảng các kết quả nghiên cứu lí luận và thực tiễn. (ii) Đảm bảo hình thành và phát triển năng lực giao tiếp tổng hợp bằng tiếng Trung Quốc cho học sinh. (iii) Đảm bảo chương trình được xây dựng trên cơ sở hệ thống chủ điểm và chủ đề. (iv) Đảm bảo coi học sinh là chủ thể của quá trình dạy học, giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn. (v) Đảm bảo tính liên thông và tính tích hợp. (vi) Đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo. (vii) Đảm bảo sau khi học xong học sinh đạt trình độ tiếng Trung Quốc Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho VN.

### *c) Mục tiêu chương trình môn học*

Mục tiêu chung của Chương trình Tiếng Trung Quốc – Ngoại ngữ 2 là cung cấp cho học sinh kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, giúp học sinh bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc một cách tương đối độc lập trong những tình huống giao tiếp cơ bản của cuộc sống thường nhật, tạo hứng thú và hình thành thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời.

Mục tiêu chung được cụ thể hòa thành các mục tiêu cụ thể như sau:

- Sau khi kết thúc giai đoạn 1 (năm thứ 1 – năm thứ 4), học sinh có thể: (i) Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Trung Quốc về các chủ điểm thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. (ii) Có kiến thức nhập môn về tiếng Trung Quốc, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chữ viết (chữ Hán và phiên âm Latinh tiếng Trung Quốc); có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và nền văn hoá Trung Quốc. (iii) Hình thành hứng thú với việc học tiếng Trung Quốc. (iv) Bước đầu hình thành phương pháp học tiếng Trung Quốc hiệu quả.

- Sau khi kết thúc giai đoạn 2 (năm thứ 5 – năm thứ 7), học sinh có thể: (i) Sử dụng tiếng Trung Quốc để giao tiếp và biểu đạt được những suy nghĩ của bản thân về các chủ điểm thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. (ii) Có kiến thức sơ cấp về tiếng Trung Quốc, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chữ Hán; có những hiểu biết nhất định về đất nước, con người và nền văn hoá Trung Quốc. (iii) Có thái độ tích cực, chủ động trong việc học tập, tìm hiểu ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc; góp phần tăng thêm hiểu biết ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam. (iv) Hình thành và sử dụng các phương pháp học tập khác nhau để phát triển năng lực giao tiếp và tích lũy tri thức ngôn ngữ, văn hoá Trung Quốc trong và ngoài lớp học.

#### *d) Nội dung Chương trình*

Chương trình Tiếng Trung Quốc – Ngoại ngữ 2 được xây dựng xuất phát từ các phẩm chất và năng lực cần có của học sinh, đặc biệt là năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết để lựa chọn nội dung dạy học, đảm bảo (i) Tính khoa học và toàn diện, đảm bảo từ dễ đến khó, cung cấp đủ lượng từ vựng và kiến thức ngôn ngữ cần thiết cho học sinh. (ii) Các chủ điểm gần gũi với học sinh, được lặp lại, nâng cao và chia thành các chủ đề, đưa ra yêu cầu cần đạt về kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ Hán một cách cụ thể. (iii) Có tính mở, tạo điều kiện phát huy tính sáng tạo của người biên soạn SGK và người thực hiện Chương trình.

#### *e) Phương pháp giáo dục*

Xuất phát từ mục tiêu của Chương trình và đặc điểm tâm lý lứa tuổi của đối tượng dạy học, đường hướng chủ đạo của phương pháp dạy học là thông qua thực hành giao tiếp ngôn ngữ. Học sinh là chủ thể tích cực tham gia vào quá trình dạy học, giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động học tập của học sinh.

Hoạt động dạy học được tổ chức thông qua môi trường giao tiếp đa dạng, phong phú với các hoạt động tương tác giữa học sinh với giáo viên; giữa học sinh với học sinh; giữa học sinh, giáo viên với sách giáo khoa và các nguồn học liệu khác. Các hoạt động luyện tập ngôn ngữ có thể được thiết kế với các hình thức khác nhau, mang tính thi đua, cạnh tranh tích cực. Các hoạt động dạy học được thực hiện đồng đều trên các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Trong đó nghe, nói đi trước một bước.

Mọi hoạt động dạy học đều phải xoay quanh các chủ điểm, tình huống giao tiếp trong Chương trình.

Ở những khu vực điều kiện cho phép, giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng mạng internet cập nhật thông tin, tìm kiếm nội dung và chủ đề học sinh quan tâm và yêu thích nhất. Ngoài ra, khuyến khích người học sử dụng thư điện tử, điện thoại mạng giao tiếp với bạn bè trong và ngoài nước, biết khai thác và chia sẻ các phần mềm học ngoại ngữ và chương trình giảng dạy cũng như những tài liệu tiếng Trung Quốc có chất lượng trên mạng, hỗ trợ công việc học tập.

#### *g) Đánh giá kết quả giáo dục*

Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh phải xuất phát từ mục tiêu giáo dục của môn học, hướng tới phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ tổng hợp cơ bản. Kết hợp giữa kiểm tra, đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ tổng hợp và kiểm tra, đánh giá từng mặt riêng biệt, bao gồm kiểm tra, đánh giá kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán), và kiến thức văn hoá.

Nguyên tắc đánh giá là toàn diện, khách quan, chính xác, phân hoá; kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; kết hợp kiểm tra, đánh giá theo chuẩn và theo tiêu chí; tạo điều kiện và khuyến khích người học tự đánh giá.

Kiểm tra, đánh giá bao gồm cả định lượng (cho điểm) và định tính (nhận xét, xếp loại), kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh đánh giá lẫn nhau và học sinh tự đánh giá. Đa dạng hoá các hình thức và phương pháp đánh giá như: bài thi (bài kiểm tra) theo hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan; kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra 01 tiết, bài tập nhóm, sản phẩm học tập...

#### *h) Điều kiện thực hiện chương trình*

Có đủ giáo viên dạy tiếng Trung Quốc đạt yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ. Giáo viên cần phải được tập huấn quán triệt về toàn bộ nội dung của Chương trình Tiếng Trung Quốc. Hằng năm, giáo viên cần được nhà trường, Sở Giáo dục và Đào tạo tạo điều kiện tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước để cập nhật các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá mới và các phương pháp dạy học hiện đại.

Có đủ cơ sở vật chất (trường, lớp, bàn, ghế,...), sách giáo khoa, sách học sinh, sách giáo viên, thiết bị đồ dùng dạy học ngoại ngữ theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **2.5. CT môn Tiếng Nhật**

### *a) Đặc điểm môn học*

Môn Tiếng Nhật - Ngoại ngữ 2 (Chương trình Tiếng Nhật) là môn học tự chọn, có thể được tổ chức giảng dạy từ lớp 6 đến hết lớp 12, giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực ngoại ngữ để sử dụng một cách tự tin, hiệu quả, phục vụ

cho việc học tập và giao tiếp, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước.

Chương trình Tiếng Nhật được xây dựng theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* với tổng thời lượng là 735 tiết, chia thành hai giai đoạn: Kết thúc giai đoạn 1, trình độ năng lực giao tiếp bằng tiếng Nhật của học sinh tương đương với Bậc 1; kết thúc giai đoạn 2, trình độ năng lực giao tiếp bằng tiếng Nhật của học sinh tương đương với Bậc 2.

#### *b) Quan điểm xây dựng chương trình*

Trên cơ sở quán triệt các quy định cơ bản được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Chương trình Tiếng Nhật nhấn mạnh một số quan điểm xây dựng chương trình như sau: (1) Chương trình Tiếng Nhật được thiết kế dựa trên nền tảng các kết quả nghiên cứu về giáo dục học, tâm lý học và phương pháp dạy học ngoại ngữ hiện đại, kinh nghiệm xây dựng chương trình môn Ngoại ngữ của Việt Nam; (2) Đảm bảo học sinh là trung tâm của quá trình học tập; (3) Nội dung giao tiếp, chủ đề, nội dung ngữ liệu, các bài tập và hoạt động rèn luyện kỹ năng được sắp xếp theo trình tự từ đơn giản đến phức tạp cả về định lượng và yêu cầu khả năng tư duy; (4) Đảm bảo các kỹ năng ngôn ngữ, cấu trúc ngữ pháp được dạy và học trong ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ. Các bài khoá, hội thoại, bài tập và hoạt động cần bám sát việc sử dụng ngôn ngữ trong cuộc sống thực tế. Kiến thức ngôn ngữ được sử dụng trong các tình huống trao đổi thông tin có thực; (5) Đảm bảo phối hợp các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết cũng như phối hợp ngữ liệu và các bình diện sử dụng ngôn ngữ khác trong cùng một đơn vị bài học hoặc trong cùng một ngữ cảnh để quá trình học tập có ý nghĩa. Đảm bảo tính tích hợp giữa các chủ điểm và chủ đề, tích hợp 4 kỹ năng giao tiếp, tích hợp với nội dung có liên quan của các môn học khác trong chương trình trung học phổ thông; (6) Đảm bảo tính liên thông và tiếp nối của việc dạy học tiếng Nhật giữa cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Đảm bảo tính linh hoạt và mềm dẻo của chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu và điều kiện dạy học tiếng Nhật khác nhau giữa các vùng miền và địa phương.

#### *c) Mục tiêu chương trình môn học*

Chương trình Tiếng Nhật cung cấp cho học sinh kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, giúp học sinh bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Nhật một cách tương đối độc lập trong những tình huống giao tiếp cơ bản của cuộc sống thường nhật, tạo hứng thú và hình thành thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời.

Sau khi kết thúc giai đoạn 1, học sinh có thể: (1) Nắm được hệ thống kiến thức cơ sở về tiếng Nhật hiện đại: chữ viết, ngữ âm, từ vựng – ngữ nghĩa và ngữ pháp cơ bản, ban đầu; (2) Đọc và viết được chữ Hiragana, chữ Katakana và khoảng 100 chữ Hán; (3) Sử dụng được khoảng 1000 đến 1100 từ vựng cơ bản; (4) Có những hiểu biết cơ bản về đời sống, văn hoá Nhật Bản; (5) Bước đầu hình thành năng lực sử



dụng tiếng Nhật như một công cụ giao tiếp ở các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; (6) Có cơ sở để tiếp tục học tiếng Nhật ở các trình độ cao hơn.

Sau khi kết thúc giai đoạn 2, học sinh có thể: (1) Củng cố và nâng cao kiến thức đã được học ở cấp trung học cơ sở về ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp (từ pháp và cú pháp) của tiếng Nhật hiện đại; (2) Biết thêm khoảng 150 chữ Hán; (3) Trên cơ sở vốn từ đã học ở giai đoạn 1, sử dụng thêm được khoảng 800 từ vựng thường dùng; (4) Thông qua việc học tiếng Nhật, hiểu thêm văn hoá Nhật Bản và mối quan hệ giữa văn hoá Nhật Bản với văn hoá Việt Nam, làm cơ sở cho việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp bằng tiếng Nhật; (5) Củng cố và nâng cao thêm một bước kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật, từ đó biết lựa chọn và vận dụng kiến thức tiếng Nhật vào các tình huống giao tiếp cụ thể gắn với nội dung ngày càng sâu hơn, phức tạp hơn của hệ thống chủ điểm đã được xác định trong chương trình; (6) Xây dựng niềm hứng thú học tiếng Nhật và tìm hiểu về đất nước, con người, nền văn hoá, ngôn ngữ của Nhật Bản.

#### *d) Nội dung chương trình*

Chương trình tiếng Nhật được xây dựng theo chủ điểm, lấy chủ điểm làm trục chính. Trong chương trình, nội dung chủ điểm được coi là cơ sở cho việc lựa chọn nội dung các bài học, bài tập và hoạt động trong mỗi bài học, do vậy chủ điểm sẽ chi phối việc lựa chọn và tổ chức nội dung ngữ liệu trong chương trình.

Nội dung dạy học từng năm học được xây dựng chi tiết dựa trên chủ điểm, chủ đề và các yêu cầu cần đạt về kỹ năng ngôn ngữ phục vụ giao tiếp.

Cụ thể là, sau khi kết thúc giai đoạn 1, học sinh “Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè v.v.. Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ”; Sau khi kết thúc giai đoạn 2, học sinh “Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản. Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu”.

Chương trình cũng đưa ra danh mục một số cấu trúc ngữ pháp cần thiết và gợi ý về cách phân bố cấu trúc ngữ pháp ở các bậc trong chương trình, tương ứng với các chủ điểm, chủ đề và yêu cầu cần đạt về kỹ năng ngôn ngữ..

#### *e) Phương pháp giáo dục*

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục ngoại ngữ, nên Chương trình tiếng Nhật nhấn mạnh việc chú ý chú ý hình thành cho học sinh cách học, tự học, từ phương pháp tiếp cận: (1) Thông qua thực hành giao tiếp ngôn ngữ để học sinh nắm được các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá Nhật Bản; (2) Học sinh là chủ thể tích cực tham gia vào quá trình dạy - học, giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn,

điều chỉnh hoạt động học tập của học sinh; (3) Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; (4) Rèn luyện việc vận dụng các thao tác trí tuệ cơ bản (quan sát, so sánh, đối chiếu, phân tích, tổng hợp, suy diễn, quy nạp...) trong các hoạt động học tập; (5) Gắn việc cung cấp ngữ liệu với ngữ cảnh - tình huống lời nói; (6) Đổi mới phương pháp dạy học gắn liền với đổi mới đánh giá kết quả học tập, rèn luyện; (7) Đảm bảo các điều kiện thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học tiếng Nhật.

#### *g) Đánh giá kết quả giáo dục*

Chương trình đã đề cập và hướng dẫn việc đánh giá kết quả giáo dục, đưa ra 5 định hướng trong đánh giá gồm: (1) Đánh giá toàn diện, khách quan, chính xác; (2) Kết hợp giữa kiểm tra, đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ tổng hợp và kiểm tra, đánh giá từng mặt riêng biệt, bao gồm kiểm tra, đánh giá kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chữ viết), kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức văn hoá; (3) Kết hợp giữa việc kiểm tra thường xuyên với việc kiểm tra định kỳ, giữa việc đánh giá mang tính phát hiện, điều chỉnh trong quá trình dạy - học với việc đánh giá để tổng kết, phân loại. Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua các hoạt động dạy học trên lớp học, nhằm kịp thời điều chỉnh tiến độ hoặc phương pháp dạy học. Đánh giá định kỳ được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt được các mục tiêu dạy học; (4) Nội dung kiểm tra phải đúng yêu cầu về mức độ nắm kỹ năng cũng như yêu cầu về nắm kiến thức của chương trình ở thời điểm kiểm tra. Các loại hình bài kiểm tra phải là các loại hình quen thuộc được thường xuyên sử dụng trong quá trình dạy - học; (5) Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh tự đánh giá.

#### *h) Điều kiện thực hiện chương trình*

Cần có đủ giáo viên dạy tiếng Nhật đạt chuẩn trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. Giáo viên tham gia giảng dạy cần phải được tập huấn, quán triệt về toàn bộ nội dung của Chương trình tiếng Nhật. Hàng năm nhà trường, sở Giáo dục và Đào tạo cần tạo điều kiện cho giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước để cập nhật các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá mới và các phương pháp dạy học hiện đại.

Cần có đủ cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với những địa phương, trường, lớp có điều kiện, cần tổ chức cho học sinh được tiếp xúc với sách báo tiếng Nhật, được xem, nghe các chương trình phát thanh, truyền hình của Nhật Bản, cũng như được tiếp xúc, giao lưu với người Nhật để tăng thêm hứng thú học tập và rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Nhật.

## **2.6. CT môn Tiếng Hàn**

### *a) Đặc điểm môn học*

Tiếng Hàn – Ngoại ngữ 2 là môn học tự chọn, được tổ chức giảng dạy có thể từ

lớp 6 đến hết lớp 12, giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực ngoại ngữ để sử dụng một cách tự tin, hiệu quả, phục vụ cho việc học tập và giao tiếp, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước. Nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các chủ đề và kiến thức ngôn ngữ: ngữ âm, chữ Hán, từ vựng, ngữ pháp được lựa chọn phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh và được tích hợp trong quá trình rèn luyện, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết cơ bản.

Chương trình môn Tiếng Hàn – Ngoại ngữ 2 được xây dựng theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam với tổng thời lượng là 735 tiết (mỗi tiết 45 phút) bao gồm cả các tiết ôn tập, kiểm tra. Nội dung chương trình được xây dựng theo hệ thống các chủ đề, chủ đề về các lĩnh vực gần gũi trong cuộc sống hằng ngày, phù hợp với lứa tuổi học sinh Trung học

#### *b) Quan điểm xây dựng chương trình*

Trên cơ sở quán triệt các quy định cơ bản được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, chương trình Tiếng Hàn - Ngoại ngữ 2 nhấn mạnh một số quan điểm xây dựng chương trình như sau: Chương trình tiếng Hàn tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể; Định hướng xây dựng chương trình môn Ngoại ngữ.

Chương trình được thiết kế dựa trên nền tảng các kết quả nghiên cứu liên quan, đảm bảo các nguyên lý khoa học khi xây dựng một chương trình (tính hệ thống, tính khả thi, tính dân tộc, lấy người học làm trung tâm, trọng tâm về dạy giao tiếp...ngoài ra còn đảm bảo tôn trọng và làm rõ những điểm khác biệt về ngôn ngữ và văn hoá giữa hai dân tộc.

#### *c) Mục tiêu chương trình môn học*

Chương trình tiếng Hàn cung cấp cho sinh kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, giúp học sinh bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Hàn một cách tương đối độc lập trong những tình huống giao tiếp cơ bản của cuộc sống thường nhật, tạo hứng thú và hình thành thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời; Trang bị cho người học những kiến thức tiếng Hàn cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cơ bản phù hợp với tình huống trong giao tiếp hằng ngày ở trình độ Bậc 2; Hình thành năng lực sử dụng tiếng Hàn như một ngoại ngữ ở trình độ sử dụng ngôn ngữ một cách độc lập, thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, trong đó chú trọng hai kỹ năng nghe và nói; Trang bị cho người học những hiểu biết cần thiết về văn hoá, đất nước và con người Hàn Quốc phục vụ cho mục tiêu học tập của người học; Tạo hứng thú và thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời.

#### *d) Nội dung chương trình*

Hệ thống chủ điểm : 4 chủ điểm, khoảng 50 chủ đề tương đương với trình độ sơ cấp, có sự phân bố cụ thể các kỹ năng ngôn ngữ và kiến thức ngôn ngữ theo từng bậc học. Kỹ năng ngôn ngữ bao gồm các kỹ năng Nghe hiểu, Nói, Đọc hiểu, Viết.

Kiến thức ngôn ngữ bao gồm các kiến thức về Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp. Theo đó, chương trình cung cấp khoảng ngân hàng từ vựng, ngữ pháp phù hợp với trình độ bậc 1, bậc 2 trên cơ sở tham khảo tài liệu liên quan của Hàn Quốc cho việc đánh giá năng lực tiếng Hàn quốc tế (khoảng 1500 từ và 144 hiện tượng ngữ pháp cơ bản, kèm phụ lục chi tiết dành cho việc biên soạn sách giáo khoa). Từ đó, chương trình tiếp tục phân chia lượng kiến thức ngôn ngữ này theo từng năm học, bậc học tương ứng.

Kiến thức văn hóa là những hiểu biết về nền văn hoá của Hàn Quốc, trong sự liên hệ so sánh với văn hóa Việt Nam. Theo đó, 40 nội dung về kiến thức văn hóa được đưa ra mang tính chất gợi ý cho việc biên soạn sách giáo khoa.

Định hướng nội dung dạy học cho từng năm học là sự phân chia cụ thể các nội dung theo từng chủ điểm, chủ đề tương ứng cho các năm, từ năm thứ nhất đến năm thứ bảy.

#### *e) Phương pháp giáo dục*

Quan điểm giao tiếp là đường hướng chủ đạo của phương pháp dạy - học tiếng Hàn Quốc ở trường phổ thông. Trong quá trình dạy - học, giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn, điều chỉnh và hỗ trợ hoạt động học tập của người học; học sinh là chủ thể tích cực tham gia các hoạt động thực hành giao tiếp ngôn ngữ. Cần chú trọng nguyên tắc lặp lại và nâng cao (ở mức độ vừa sức) áp dụng với từng giờ học, kỳ học và chương trình từng khối lớp nhằm giúp người học củng cố, nắm chắc kiến thức, đồng thời luôn có cơ hội để học tập và phát triển, nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng Hàn.

Tuỳ theo đặc điểm và điều kiện của từng cơ sở đào tạo, các trường phổ thông có thể linh hoạt điều chỉnh thời điểm bắt đầu và kết thúc Chương trình sớm hay muộn, điều chỉnh, phân bổ số tiết/tuần. Thời lượng 35 tuần/năm là số tuần thực học, bao gồm cả kiểm tra, đánh giá, không tính ngày nghỉ lễ.

Chương trình Giáo dục phổ thông môn tiếng Hàn là qui định mang tính chất chủ đạo cho việc tổ chức thực hiện hoạt động dạy - học, xây dựng nội dung dạy - học. Hoạt động dạy - học cần tạo ra môi trường giao tiếp giả định với các tình huống giao tiếp đa dạng, phong phú, gần gũi với thực tế.

Để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, người dạy cần tổ chức nhiều hoạt động với quy mô đa dạng trên lớp, tổ chức các hoạt động học tương tác đa dạng, kết hợp sử dụng sách giáo khoa với các nguồn học liệu, phương tiện nghe nhìn phong phú.

#### *g) Đánh giá kết quả giáo dục*

Kết hợp giữa kiểm tra, đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ tổng hợp và kiểm tra, đánh giá từng mặt riêng biệt, bao gồm kiểm tra, đánh giá kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức văn hoá.

Nguyên tắc đánh giá là toàn diện, khách quan, chính xác, phân hoá; kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; kết hợp kiểm tra, đánh giá theo chuẩn và theo tiêu chí; tạo điều kiện và khuyến khích người học tự đánh giá. Công tác kiểm tra đánh giá đối với môn tiếng Hàn cần phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

Kiểm tra, đánh giá bao gồm cả định lượng (cho điểm) và định tính (nhận xét, xếp loại), kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh đánh giá lẫn nhau và học sinh tự đánh giá. Đa dạng hoá các hình thức và phương pháp đánh giá.

#### *h) Điều kiện thực hiện chương trình*

Nhà trường, Sở Giáo dục và Đào tạo cần tạo điều kiện cho giáo viên tiếng Hàn được tham gia các khoá tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tạo cơ hội cho giáo viên được giao lưu học hỏi với các đồng nghiệp, các học giả ở trong và ngoài nước. Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn tổ chức thường xuyên và định kỳ sẽ giúp người dạy có thể củng cố, nâng cao và cập nhật các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá mới; chia sẻ kinh nghiệm và tiếp cận các phương pháp dạy học hiện đại phù hợp với đối tượng học và môi trường giao tiếp

Các cơ sở đào tạo cần đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, quản lý được quy định trong Điều lệ Trường phổ thông và Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.